TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/DSPT
Ngày: 07/03/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung .
Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng
Ông Nguyễn Văn Trường

-***Thư ký phiên tòa***: Bà Bùi Thị Hồng Sương -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

-***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên .

Ngày 07 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2018/TLPT–DS ngày 05/12/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2018/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 54/2019/QĐPT-DS, ngày 18 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Phước Th, sinh năm 1982 (vắng mặt) .
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phan Hữu H, sinh năm 1953 (có mặt, tờ ủy quyền ngày 01/3/2018)
Địa chỉ: ấp Nh, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* Anh Đặng Minh Ng, sinh năm 1972 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng*:
1. Anh Trần Văn T, sinh năm 1975 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.
2. Anh Dương Văn T, sinh năm 1990 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo*: Anh Nguyễn Phước Th là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 02 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Phước Th trình bày:

Vào ngày 01 tháng 01 năm 2015 anh Đặng Minh Ng có vay của anh Th số tiền 610.000.000đ, khi vay không làm giấy tờ và thỏa thuận khi nào bán cam sẽ trả hết nợ, nhưng đến hạn trả nợ thì anh Ng không trả. Anh Th có đơn khởi kiện yêu cầu anh Ng trả số tiền nợ vay tiền vốn 610.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện T đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đã tống đạt hợp lệ đến bị đơn anh Đặng Minh Ng, nhưng phía bị đơn không trả lời ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt không lý do. Tòa án tiếp tục tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập cho bị đơn anh Đặng Minh Ng để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2018/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 1; khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 4 Điều 91, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phước Th về việc yêu cầu anh Đặng Minh Ng có nghĩa vụ trả cho anh số tiền vay 610.000.000đ (sáu trăm mười triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/10/2018 nguyên đơn anh Nguyễn Phước Th kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết buộc anh Đặng Minh Ng phải trả cho anh Th số tiền 610.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H đại diện cho nguyên đơn anh Thịnh vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đối với bị đơn anh Ng vắng mặt nhưng có ý kiến tại biên bản lấy lời khai ngày 20/02/2019 là xin vắng mặt phiên tòa phúc thẩm.

Quan điểm của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau :

-Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa án sơ thẩm; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Th, buộc anh Ng trả cho anh Th số tiền nợ vay 610.000.000đ, anh Nguyễn phải nộp án phí sơ thẩm. Anh Th không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của người tham gia tố tụng và phát biểu của đại diện

Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 11/10/2018 Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long nhận đơn kháng cáo của anh Th còn trong hạn luật định nên là kháng cáo hợp lệ. Do vậy vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm qui định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Đặng Minh Ng có ý kiến tại biên bản ghi lời khai ngày 20/02/2019 xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của anh Th đòi anh Ng trả số tiền nợ vay 610.000.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án cấp phúc thẩm anh Ng có lời khai tại biên bản lấy lời khai ngày 20/02/2019 có nội dung thừa nhận anh Th có vay của anh Nguyễn Ngọc Ph số tiền 610.000.000đ để cho anh Ng vay lại, anh Ng chưa trả cho anh Th số tiền này. Nay anh Ng đồng ý trả cho anh Th số tiền 610.000.000đ nhưng xin trả dần mỗi tháng là 3.000.000đ cho đến khi hết nợ. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh Th đòi anh Ng trả số tiền nợ vay 610.000.000đ. Tại phiên tòa ông H đại diện cho anh Th không đồng ý cho anh Ng trả số tiền 610.000.000đ bằng hình thức trả dần mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi hết nợ nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét việc anh Ng xin trả dần số tiền nợ anh Th. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận kháng cáo của anh Th sửa án sơ thẩm, buộc anh Ng có nghĩa vụ trả cho anh Th số tiền nợ vay 610.000.000đ .

[3]Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên anh Th không phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và án phí sơ thẩm được xác định lại như sau:

Anh Ng phải chịu án phí đối với yêu cầu của anh Th được chấp nhận: 610.000.000đ = 20.000.000đ + (210.000.000đ x 4%) =28.400.000 đồng (hai mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng) theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Phước Th. Sửa bản án sơ thẩm số: 42/2018/DS-ST ngày 27 tháng 09 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

Áp dụng Điều 463; 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, khoản 2 Điều 148 và khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Phước Th. Buộc anh Đặng Minh Ng có nghĩa vụ trả anh Nguyễn Phước Th số tiền nợ vay là 610.000.000đ (sáu trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí:

- Anh Đặng Minh Ng phải nộp án phí sơ thẩm là 28.400.000 đồng (hai mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng).

- Anh Nguyễn Phước Th không phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả lại anh Nguyễn Phước Th số tiền nộp tạm ứng án phí là 14.500.000đồng (mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí sơ thẩm số 0014449 ngày 08 tháng 3 năm 2018 là 14.200.000 đồng (mười bốn triệu hai trăm ngàn đồng) và biên lai tiền tạm ứng án phí phúc thẩm thu số 0014932 ngày 12 tháng 10 năm 2018 là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTối Cao;
- VKSNDTỉnh Vĩnh Long;
- Tổ Nghiệp Vụ ;
- TAND huyện Trà Ôn;
- Chi cục THADS huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Dung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thành Viên Hội Đồng Xét Xử **Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa**

Sơn Nữ Phà Ca **Đặng Văn Lộc** **Trần Thị Ngọc Dung**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42 /2018/DS-ST
Ngày: 27-9-2018
"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Phú

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Thạch Thế Hiền

2/ Bà Võ Ngọc Ba

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Minh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2018 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2018/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Phước Thịnh,** sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp Tường Thịnh, xã Thới Hòa, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông **Phan Hữu Hùng,** sinh năm 1953. Địa chỉ: ấp Nhơn Ngãi, xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Đặng Minh Nguyễn**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp Tường Nghĩa, xã Thới Hòa, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người làm chứng:

3.1 Trần Văn Tiến, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp Tường Tín, xã Thới Hòa, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

3.2 Dương Văn Tâm, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp Tường Hưng, xã Thới Hòa, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 02 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Phước Thịnh trình bày: Nguyên vào ngày 01 tháng 01 năm 2015 anh Đặng Minh Nguyễn có vay của anh số tiền 610.000.000đ, việc vay không làm giấy tờ gì và thỏa thuận khi nào bán cam

xong sẻ trả cho anh, tuy nhiên sao khi vay đến hạn trả nợ anh Nguyễn không trả. Nay anh yêu cầu anh Nguyễn trả số tiền 610.000.000 đồng vốn ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của anh Thịnh, Tòa án đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đã tống đạt hợp lệ đến bị đơn anh Đặng Minh Nguyễn, nhưng phía bị đơn không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung nguyên đơn yêu cầu và không đến tham dự phiên họp, phiên hòa giải, vắng mặt không lý do. Tòa án tiếp tục tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập cho bị đơn anh Đặng Minh Nguyễn để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh Nguyễn vắng mặt lần thứ hai không có lý do và cũng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Đặng Minh Nguyễn.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tòa án thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 91, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Phước Thịnh về việc yêu cầu bị đơn Đặng Minh Nguyễn trả số nợ vốn 610.000.000đ

Về án phí dân sự sơ thẩm buộc anh Nguyễn Phước Thịnh nộp 28.400.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quyền yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Trường hợp này là vụ án tranh

chấp về quyền sở hữu đối với tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Bị đơn anh Đặng Minh Nguyễn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Anh Nguyễn Phước Thịnh cho rằng vào ngày 01/01/2015 anh có cho anh Nguyễn vay số tiền 610.000.000đ, tuy nhiên ngoài lời trình bày ra anh không cung cấp chứng cứ nào cho Tòa án về việc anh Nguyễn có vay tiền từ anh. Nên Hội đồng xét xử xác định sự việc này không xảy ra.

Xét yêu cầu của anh Nguyễn Phước Thịnh yêu cầu anh Đặng Minh Nguyễn có nghĩa vụ trả anh số tiền nợ 610.000.000đ là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẻ ngoài lời trình bày ra anh Thịnh không cung cấp được chứng cứ nào có liên quan đến việc anh Nguyễn có vay tiền từ anh, mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án anh Thịnh cung cấp lời trình bày của những người làm chứng, tuy nhiên lời trình bày của những người làm cũng xác định không trực tiếp nghe và thấy anh Thịnh cho anh Nguyễn vay tiền, mà chỉ nghe anh Thịnh nói lại. Nên những lời trình bày này không được xem là chứng cứ để buộc anh Nguyễn có nghĩa vụ trả số tiền như anh Thịnh yêu cầu 610.000.000đ là phù hợp Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Xét việc vắng mặt của anh Nguyễn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt các thông báo hợp lệ cho anh Nhã về yêu cầu khởi kiện của anh Thịnh, tuy nhiên anh Nguyễn không có ý kiến trình bày bằng văn bản gửi cho Tòa án, anh Nguyễn cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp và phiên hòa giải do Tòa án tiến hành và anh cũng không đến tham gia phiên Tòa từ đó cho thấy anh Nguyễn cố tình không chấp hành các quy định của pháp luật. Việc anh Nguyễn không đến tham gia các phiên họp và phiên hòa giải cũng như phiên Tòa mặc dù anh đã biết được anh Thịnh khởi kiện anh, lẻ ra anh phải chịu hậu quả pháp lý về việc không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Thịnh. Tuy nhiên để giải quyết vụ án được chính xác và phù hợp với các quy định của pháp luật thì việc vắng mặt của anh Nguyễn không thể buộc anh có nghĩa vụ trả anh Thịnh 610.000.000đ, vì trong quá trình giải quyết

vụ án và tại phiên tòa anh Thịnh không có chứng cứ nào vững chắc cho yêu cầu khởi kiện của mình.

[2.3] Xét lời trình bày của những người làm chứng anh Tâm và anh Tiến là chỉ thấy anh Thịnh đưa tiền cho anh Nguyễn, địa điểm giao tiền là ở quán cà phê các anh cũng không xác định được anh Thịnh giao cho anh Nguyễn bao nhiêu tiền, mặt khác tại thời điểm đó các anh cũng không ngồi chung bàn cũng anh Thịnh và anh Nguyễn, các anh chỉ nghe anh Thịnh nói lại là anh Thịnh có cho anh Nguyễn vay tiền vào thời gian sau đó. Từ những lời trình bày trên không được Hội đồng xét xử xem đây là chứng cứ vững chắc và đủ thuyết phục để buộc anh Nguyễn có nghĩa vụ trả anh Thịnh số tiền 610.000.000đ.

[2.4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 91, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phước Thịnh về việc yêu cầu anh Đặng Minh Nguyễn có nghĩa vụ trả anh số tiền còn nợ 610.000.000đ, về án phí dân sự sơ thẩm buộc anh Thịnh nộp 28.400.000đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ như những nhận định trên.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc anh Nguyễn Phước Thịnh nộp 28.400.000đ *(Hai mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng).*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 1; khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 4 Điều 91, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phước Thịnh về việc yêu cầu anh Đặng Minh Nguyễn có nghĩa vụ trả cho anh số tiền vay 610.000.000đ (Sáu trăm mười triệu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Phước Thịnh phải nộp 28.400.000 đồng *(Hai mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng),* nhưng được khấu trừ vào 14.200.000 đồng tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014449 ngày 08 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, còn lại 14.200.000 đồng *(Mười bốn triệu hai trăm ngàn đồng)* buộc anh Thịnh nộp tiếp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nơi nhận:
PHIÊN TÒA
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.